

Số: 1976 /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 28 tháng 10 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt dự án Trường phổ thông nội trú liên cấp**  
**tiểu học và trung học cơ sở Quốc Việt**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2026;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10/12/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới (Thông báo số 81- TB/TW).*

*Căn cứ Nghị quyết số 298/NQ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18/7/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới.*

*Căn cứ Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 28/5/2026 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 298/NQ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo kết luận số 81-TB/TW ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng trường học cho các xã biên giới;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 11/6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp các trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới tỉnh Lạng Sơn (giai đoạn 2).*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 294/TTr-SXD ngày 25/10/2026.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở Quốc Việt, như sau:

1. Tên dự án: Trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở Quốc Việt.

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình chính của dự án, thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm dự án: Nhóm B.
- Loại, cấp công trình: công trình dân dụng, cấp III.
- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: 50 năm (*theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 03:2022/BXD của Bộ Xây dựng*).

3. Mã định danh:

4. Địa điểm xây dựng dự án: xã Quốc Việt, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích sử dụng đất: 63.497m<sup>2</sup>.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

6. Tên cơ quan chuẩn bị dự án và các thông tin để liên hệ (địa chỉ,...):

- Chủ đầu tư: Công an tỉnh Lạng Sơn.
  - Địa chỉ: khối Khòn Khuyên, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn.
7. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:
- Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Tuấn Phúc - CN Lạng Sơn.
  - Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Tuấn Phúc - CN Lạng Sơn.

8. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng trường học đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng điều kiện thực hiện chương trình giáo dục toàn diện. Phát triển mạng lưới trường, lớp học đảm bảo cơ cấu theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa, hiện đại hóa, đáp ứng nhu cầu học tập, góp phần thuận lợi cho công tác giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

9. Quy mô đầu tư

Đầu tư xây dựng mới Trường Phổ thông nội trú tiểu học và trung học cơ sở Quốc Việt với tổng số 700 học sinh (350 học sinh tiểu học, 350 học sinh trung học cơ sở), gồm các công trình, hạng mục sau:

#### *9.1. Các hạng mục trường học:*

- Nhà hành chính - hiệu bộ - thư viện, 01 nhà cao 04 tầng, diện tích xây dựng 498m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn 1.788m<sup>2</sup>.
- Nhà học lý thuyết + bộ môn tiểu học, 01 nhà cao 03 tầng, diện tích xây dựng 655m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn 1.899m<sup>2</sup>.
- Nhà học lý thuyết + bộ môn trung học cơ sở, 01 nhà cao 03 tầng, diện tích xây dựng 655m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn 1.899m<sup>2</sup>.
- Nhà đa năng, 01 nhà cao 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 755m<sup>2</sup>.
- Nhà ở học sinh nội trú cấp tiểu học và nhà ở học sinh nội trú cấp trung học cơ sở, 02 nhà cao 04 tầng, diện tích xây dựng mỗi nhà 964m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn mỗi nhà 3.691m<sup>2</sup>.
- Nhà ăn, 01 nhà cao 01 tầng, diện tích xây dựng 966m<sup>2</sup>.
- Nhà ở công vụ cho giáo viên, 01 nhà cao 02 tầng, diện tích xây dựng 330m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn 660m<sup>2</sup>.
- Nhà để xe giáo viên, 01 nhà cao 01 tầng, diện tích xây dựng 130m<sup>2</sup>; nhà để xe học sinh, 01 nhà cao 01 tầng, diện tích xây dựng 390m<sup>2</sup>.
- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà: san nền, mái taluy, kè chắn đất; đường giao thông nội bộ, sân bãi, chỗ đỗ xe; di chuyển đường dây 35Kv, hệ thống cấp điện, chiếu sáng ngoài nhà, thu sét; hệ thống cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải; phòng cháy và chữa cháy ngoài nhà; thông tin liên lạc, mạng internet; đường kết nối vào dự án dài 180m.
- Các hạng mục phụ trợ: Cổng chính (diện tích xây dựng 60m<sup>2</sup>), nhà thường trực (diện tích xây dựng 15m<sup>2</sup>), trạm biến áp 630 kVA (diện tích 30m<sup>2</sup>), hệ thống nước sinh hoạt kết hợp phòng cháy chữa cháy với bể chứa V=300m<sup>3</sup> (diện tích 120m<sup>2</sup>), hệ thống xử lý nước thải công suất 90m<sup>3</sup>/ngày.đêm (diện tích 120m<sup>2</sup>), tường rào hoa sắt, tường rào khung thép B40, sân nội bộ, sân bóng, sân đỗ xe, vườn thực nghiệm, cột cờ, hồ nhảy xa, bồn hoa, cây xanh và các hạng mục phụ trợ khác...

- Thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, sinh hoạt nội trú đồng bộ.

#### *9.2. Quy mô hạng mục Đường kết nối:*

- Khu đất thực hiện tuyến đường kết nối vào dự án: Nắn chỉnh và nâng cao cốt mặt đường cao hơn cốt ngáp Thủy điện Trảng Định 2 và cốt ngáp lịch sử:
  - + Tổng chiều dài tuyến: L = 180m; diện tích đường và mái đắp: Khoảng 2.600m<sup>2</sup>.
  - + Cấp đường: đường giao thông cấp IV

+ Thông số kỹ thuật: Chiều rộng đường 7,5m, rãnh dọc bê tông cốt thép 60x80 có nắp ở 1 bên đường phía trường Quốc Việt, mặt bê tông nhựa, mái taluy âm đắp 1:1,5; mái phía bên trường Quốc Việt: vuốt êm thuận từ mép đường tới mép cốt san nền của trường.

## 10. Giải pháp thiết kế cơ sở

### 10.1 Giải pháp thiết kế tổng mặt bằng

- Nguyên tắc tổ chức: khu đất có địa hình đồi núi, chênh cao lớn; tổng mặt bằng được tổ chức san nền 01 cốt. Các khu chức năng được phân khu rõ ràng giữa không gian học tập, sinh hoạt nội trú và hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo an toàn, thuận tiện cho học sinh và công tác quản lý.

- Khu cổng, nhà để xe và hạ tầng kỹ thuật: cổng chính tiếp cận từ tuyến đường ĐT.229 hiện trạng phía Đông; luồng xe cơ giới từ cổng đi theo đường nội bộ vào nhà để xe, không đi vào lõi sân trường. Trạm biến áp, trạm xử lý nước thải được bố trí thành cụm ven hàng rào phía Đông Nam, Nhà thu gom rác thải nằm phía tay trái chính diện gần cổng trường thuận tiện cho xe thu gom, bảo trì tiếp cận mà không phải đi vào khuôn viên trường.

- Khu học tập và hành chính: sân tập trung quy mô lớn đặt ở vị trí trung tâm, phục vụ chào cờ và các hoạt động chung của toàn trường. Nhà lớp học + bộ môn tiểu học và nhà lớp học + bộ môn trung học cơ sở được bố trí song song, mỗi nhà gồm 02 dãy phòng so le sử dụng chung hành lang giữa, đảm bảo tính độc lập theo lứa tuổi, tận dụng thông gió và chiếu sáng tự nhiên. Nhà hiệu bộ và nhà thư viện được liên kết bằng hành lang cầu nối, thuận tiện đi lại trong mọi điều kiện thời tiết, tạo thành cụm công trình trung tâm của trường.

- Khu nội trú và phục vụ sinh hoạt: bố trí lùi sâu về phía Tây khu đất, cách ly với trục giao thông chính để đảm bảo yên tĩnh. Khối nội trú học sinh 1 và khối nội trú học sinh 2 được bố trí độc lập (việc phân khu theo cấp học hoặc giới tính do nhà trường sắp xếp); nhà bếp + ăn và nhà nội trú giáo viên đặt ở vị trí trung tâm cụm nội trú, rút ngắn quãng đường đi lại của học sinh, thuận lợi cho công tác quản lý, chăm sóc học sinh ngoài giờ học.

- Khu giáo dục thể chất: nhà đa năng và sân thể thao ngoài trời bố trí về phía Tây cuối cùng khu đất, kết nối khu học tập với khu nội trú, đồng thời tách biệt tiếng ồn với khối phòng học lý thuyết.

- Cây xanh, cảnh quan: bố trí bồn cây trên sân và chân công trình, dải cây xanh quanh các khối nhà; mái taluy được trồng cỏ bảo vệ; khu vực đồi không san gạt giữ nguyên thảm thực vật tự nhiên làm dải cây xanh cách ly, bảo vệ sườn dốc. Công trình cao tối đa 04 tầng, mật độ xây dựng thấp, dành quỹ đất lớn cho sân chơi, cây xanh và giao thông nội bộ.

### 10.2. Giải pháp san nền, giao thông, sân đường

a) San nền: diện tích Dự án 6,0897ha; san nền thành 1 cốt (150,00). Độ dốc san nền 0% đến 0,5% thu nước vào đường nội bộ. Nền đặt trên địa chất đất cấp III, mái taluy 1: 1,2-1,5, những vị trí có mái taluy cao thiết kế giằng cơ giảm

tải, bố trí bậc thêm rộng từ 2-4m, mỗi bậc thêm chênh cao từ 6 - 12m. Thoát nước: tại các chân cơ bố trí rãnh thoát nước bằng bê tông. Mái đất trồng cỏ lá gừng. Tại các vị trí có mái ta luy cao xây dựng tường chắn đất ta luy dương bằng bê tông xi măng M200.

b) Đường giao thông nội bộ:

+ Đường loại 1:  $L=150\text{m}$ , rộng  $B=8\text{m}$ , mặt đường bê tông xi măng  $d=22\text{cm}$ , móng cấp phối đá dăm loại 1  $d=12\text{cm}$ , bố trí trước khu vực sân chào cờ.

+ Đường loại 2:  $L=1.060\text{m}$ , rộng  $B=5\text{m}$ , mặt đường bê tông xi măng  $d=22\text{cm}$ , móng cấp phối đá dăm loại 1  $d=12\text{cm}$  bố trí tại các vị trí còn lại.

+ Bó vỉa hè: bó vỉa bằng bê tông có kích thước  $(18 \times 30 \times 100)\text{cm}$ .

+ Mặt hè: lát bằng gạch terrazzo  $(40 \times 40 \times 3)\text{cm}$ ;

+ Sân đường đỗ xe lát gạch 8 lỗ trồng cỏ: Diện tích khoảng  $S=3.573\text{m}^2$  lát gạch 8 lỗ trồng cỏ kích thước  $275 \times 400 \times 80\text{mm}$ , M300.

c) Sân, bồn hoa, tiểu cảnh, cột cờ:

- Sân nội bộ:

+ Sân chào cờ, sân chơi, sân thể thao: Diện tích khoảng  $S=13.876\text{m}^2$  lát gạch terrazzo kích thước  $40 \times 40 \times 3\text{cm}$ .

- Sân thể thao: (sân cầu lông, bóng chuyền) bê tông B20 (M250), sơn vạch bằng epoxy.

- Sân bóng: kích thước  $54 \times 34\text{m}$ , sân đất trồng cỏ lá gừng.

- Đường chạy: chiều dài trung bình  $L=193$  làn chạy  $1,22\text{m}$ , đường chạy bo viền theo sân bóng, mặt đường bê tông B20 (M250), sơn vạch bằng epoxy.

- Bồn hoa: xây gạch, ốp đá granit, trồng cây bó vỉa (chuỗi ngọc), cây nền (mắt nai, cỏ nhung Nhật), cây nhấn: tường vi, vạn tuế, ngâu xén tròn, trắc bách diệp.

- Cây xanh bóng mát: trồng chính tại sân trường cây bàng Đài Loan  $6\text{m}/1$  cây; trồng ven đường, ven mái ta luy cây sấu, xà cừ  $7\text{m}/\text{cây}$ ; bồn cây bê tông đúc sẵn lắp ghép.

- Vườn thực nghiệm: Diện tích  $S=1.185\text{ m}^2$ , lối đi rộng  $0,8-1,2\text{m}$  xếp gạch lát sân vườn 8 lỗ.

- Cột cờ: Cột cờ inox cao  $1\text{m}$ , bệ cột cờ xây gạch, ốp đá granit.

- Hồ nhảy xa: Hồ nhảy xa kích thước  $4 \times 10\text{m}$ , đổ cát thô  $d=50\text{cm}$ .

d) Các hạng mục phụ trợ:

\* Cổng chính

- Cổng: Lối chính cổng điện xếp inox; lối phụ cổng sắt cánh mở; chiều cao cổng từ sân tới đỉnh mái  $7,95\text{m}$ , kết cấu cổng bê tông cốt thép.

\* Nhà thường trực:

- Diện tích xây dựng:  $15\text{m}^2$ .
- Chiều cao tới mái  $3,85\text{m}$ , chiều cao tầng 1:  $3,1\text{m}$ , chiều cao từ sân tới cốt 0,00:  $0,3\text{m}$ .
- Bố trí 01 phòng trực bảo vệ diện tích  $8,2\text{m}^2$ , 01 phòng ngủ diện tích  $9,5\text{m}^2$ .
- Kết cấu: móng, khung, sàn bê tông cốt thép B20 (M250) toàn khối.
- Tường bao che, tam cấp: xây gạch không nung vữa xi măng mác 50;
- Trát tường: vữa xi măng mác 50 d=15; trát trần, dầm, cột: vữa xi măng mác 75 d=15.

\* Nhà để xe

- Nhà để xe giáo viên: Tổng diện tích xây dựng  $S_{xd}=130\text{m}^2$ ; khung thép, nền lát gạch Terrazzo, mái lợp tôn.
- Nhà để xe học sinh: Tổng diện tích xây dựng  $S_{xd}=390\text{m}^2$ ; khung thép, nền lát gạch Terrazzo, mái lợp tôn.

10.3. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà:

a) Cấp nước:

- Nguồn nước: Khoan mới giếng khoan, bơm nước về bể xử lý nước.
- Xử lý nước: Nước xử lý bằng công nghệ lắng lọc tự rửa.
- Bể: Bể chung nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy, thể tích  $300\text{m}^3$ , kết cấu bê tông cốt thép.
- Cấp nước: Bơm nước tới các vị trí sử dụng.

b) Thoát nước ngoài nhà:

- Hệ thống thoát nước thu nước mưa từ sườn đồi: sử dụng rãnh thu nước xuống rãnh cơ, thu về phía rãnh đường.
- Hệ thống rãnh thu nước (nước mặt, nước sau xử lý, nước thải không cần xử lý):

+ Rãnh dọc cấp 1 (bố trí 1 bên đường với đường có  $B \leq 5\text{m}$ ; 2 bên đường với đường có  $B > 5\text{m}$ ): kích thước  $(80 \times 80)\text{cm}$ , rãnh bằng bê tông cốt thép M200, tấm đan nắp rãnh bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250); kết hợp hào kỹ thuật đi ống cấp nước, cáp điện.

+ Rãnh dọc cấp 2 (thu nước từ rãnh cấp 3): kích thước  $(60 \times 60)\text{cm}$ , rãnh bê tông cốt thép M200, tấm đan nắp rãnh bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250).

+ Rãnh cấp 3 (thu nước quanh nhà): kích thước  $(40 \times 40)\text{cm}$ , rãnh xây gạch, tấm đan nắp rãnh bằng bê tông cốt thép, kết hợp hào kỹ thuật đi ống cấp nước, cáp điện.

+ Rãnh ngang thu nước từ đường: Bó vĩa thu nước vị trí rãnh ngang bằng bê tông cốt thép mác 200 kích thước (28x22x100)cm, rãnh ngang bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15, B20 (mác 200, mác 250).

+ Hồ ga cấp 1: nắp tròn bằng thép.

- Hệ thống thu nước thải từ bể phốt:

+ Nước thải từ bể phốt nhà: được tập trung xử lý qua hệ thống bể xử lý công nghệ xử lý sinh học, nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2025/BTNMT, (cột B), thoát ra hệ thống thoát nước chung.

c) Cấp điện dự án:

\* Trạm biến áp:

- Nguồn điện: Đầu nối từ nguồn 35kV chạy qua công trình.

- Đường dây và cột điện 0.4kV chạy qua toàn bộ bề ngang khu đất, dự kiến di chuyển đường điện và cột điện ra khỏi ranh giới quy hoạch (dịch chuyển vị trí cột điện hiện tại đang nằm trong ranh giới quy hoạch ra mép ngoài ranh giới).

- Xây mới 01 trạm biến áp làm mới 630 kVA cho dự án, đặt tại vị trí Đông Nam khu đất

\* Cấp điện tổng thể, chiếu sáng ngoài nhà:

- Cấp điện tổng thể:

+ Lưới điện hạ thế 0,4 kV: Từ trạm biến áp cấp điện đến các tủ điện tổng ngoài nhà của từng nhà. Từ tủ điện tổng cấp điện phát triển theo hình tia cấp điện vào tủ điện tổng của từng hạng mục công trình.

- Chiếu sáng ngoài nhà:

+ Sử dụng đèn led bố trí trên các mái nhà để chiếu sáng sinh hoạt và bảo vệ sân, đường.

d) Hệ thống phòng cháy chữa cháy:

- Xây dựng bể nước phòng cháy kết hợp bể nước dự trữ sinh hoạt, khối tích bể 300m<sup>3</sup>, bể bê tông cốt thép B20 (M250).

- Hệ thống bơm chữa cháy theo tiêu chuẩn: Sử dụng 1 máy bơm điện + 1 máy bơm diesel đặt tại nhà để máy bơm liên kết bể:

+ Bơm chính: động cơ điện  $Q > 9 \text{ m}^3/\text{h}$ ;  $H > 39,6 \text{ M.c.n}$ ; 11 KW;  $Q = 19-50 \text{ m}^3/\text{h}$ ;  $H = 69,1-55,8 \text{ m.c.n}$

+ Bơm dự phòng: động cơ diesel  $Q > 9 \text{ m}^3/\text{h}$ ;  $H > 39,6 \text{ M.c.n}$ ; 11 KW;  $Q = 19-50 \text{ m}^3/\text{h}$ ;  $H = 69,1-55,8 \text{ m.c.n}$

+ Bơm bù áp: động cơ điện  $Q > 3,6 \text{ m}^3/\text{h}$ ;  $H > 50 \text{ M.c.n}$ ; 2,2 KW;  $Q = 3,6-7,2 \text{ m}^3/\text{h}$ ;  $H = 80-30,3 \text{ m.c.n}$

đ) Thông tin liên lạc:

- Tuyến cáp quang từ điểm đầu nối của nhà mạng đến tủ ODF trung tâm đặt tại nhà hiệu bộ được đi ngầm; từ tủ trung tâm, cáp phân phối đến các khối nhà đi trong hệ thống cống bê, ống HDPE/PVC; sử dụng công nghệ GPON cung cấp dịch vụ internet, điện thoại, truyền hình, dự phòng dung lượng cho camera, âm thanh và các hệ thống điện nhẹ.

e) Hệ thống xử lý nước thải:

- Dự án xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 90 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, công nghệ xử lý sinh học để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh tại:

+ Nước thải từ khu vực vệ sinh (xí, tiểu) được thu gom theo đường ống uPVC (DN160, DN225, DN280) vào xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 03 ngăn (thể tích 7,5 m<sup>3</sup>/bể); nước sau bể tự hoại theo đường ống uPVC D200 về Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 90 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Nước thải rửa tay thoát sàn được thu gom theo đường ống uPVC D200 về Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 90 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Nước thải nhà bếp thu gom xử lý sơ bộ tại 01 bể tách dầu (thể tích 7,9 m<sup>3</sup>); nước sau bể tách dầu được thu gom theo đường ống uPVC D200 về Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 90 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

+ Nước thải từ quá trình súc rửa bình lọc bể bơi được thu gom xử lý sơ bộ qua bể lắng khử Clo dư (thể tích 55 m<sup>3</sup>); nước sau bể lắng được thu gom theo đường ống uPVC D200 về Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 90 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

Dùng bể Composite hợp khối, các bể xử lý xây bằng BTCT/ hoặc hợp khối Composite. Diện tích xây dựng khoảng 120m<sup>2</sup> và có lắp đặt hệ thống xử lý mùi. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2025/BTNMT, (cột B).

+ Quy trình thu gom, xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại của các dãy nhà, thiết bị tách mỡ → Hệ thống ống uPVC 200) → Hệ thống công nghệ xử lý nước thải tập trung (trạm xử lý nước thải tập trung) công suất 90 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (cụm bể composite chìm hợp khối gồm: Bể gom → Bể lắng cát → Bể điều hòa → 2 đơn nguyên (bể thiếu khí → bể hiếu khí) → bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc → Bể khử trùng → nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn Áp dụng QCVN 14:2025/BTNMT (cột B) - quy chuẩn này có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/9/2025. Nước thải sau xử lý tại Trạm xử lý, chảy ra hệ thống thoát nước chung.

f) Thu sét:

- Sử dụng thu sét tia tiên đạo cho dự án.

#### 10.4. Các công trình xây dựng

##### 10.4.1. Nhà hiệu bộ + thư viện:

a) Thiết kế kiến trúc: Thiết kế 4 tầng, tổng chiều cao 18,25m, tầng 1, 2, 3, 4 cao 3,6m, tầng mái cao 1,5m và 3,85m, cốt nền tầng 1 cao hơn cốt sân 0,45m. Giao thông chính: 01 cầu thang bộ kết hợp hành lang cầu sang nhà lớp học.

- Thông số thiết kế:
- + Công trình cấp III
- + Diện tích xây dựng: 498m<sup>2</sup>
- + Diện tích sàn: 1.788m<sup>2</sup> (Tầng 1: 498m<sup>2</sup>; Tầng 2: 430m<sup>2</sup>; Tầng 3: 430m<sup>2</sup>; Tầng 4: 430m<sup>2</sup>).
- Cơ cấu công năng:

| STT | Tên phòng         | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-----|-------------------|-----------------------------|
|     | Tầng 1            |                             |
| 1   | Kho văn phòng     | 33                          |
| 2   | Văn phòng trường  | 33                          |
| 3   | Y tế              | 33                          |
| 4   | Hiệu phó          | 33                          |
| 5   | Phòng hội đồng    | 103                         |
| 6   | Khu vệ sinh chung | 26                          |

| STT | Tên phòng         | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-----|-------------------|-----------------------------|
|     | Tầng 2            |                             |
| 1   | Tư vấn học đường  | 33                          |
| 2   | Nghỉ giáo viên    | 33                          |
| 3   | Hiệu trưởng       | 33                          |
| 4   | Thư viện          | 136                         |
| 5   | Khu vệ sinh chung | 26                          |

| STT | Tên phòng               | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-----|-------------------------|-----------------------------|
|     | Tầng 3                  |                             |
| 1   | Đoàn đội                | 33                          |
| 2   | Tổ chuyên môn (3 phòng) | 33                          |
| 3   | Hiệu phó (2 phòng)      | 33                          |
| 4   | Nghỉ giáo viên          | 33                          |
| 5   | Khu vệ sinh chung       | 26                          |

| STT | Tên phòng            | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-----|----------------------|-----------------------------|
|     | Tầng 4               |                             |
| 1   | Kho                  | 68                          |
| 2   | Tổ chuyên môn        | 3                           |
| 3   | Giáo viên (02 phòng) | 33                          |
| 4   | Truyền thống         | 68                          |

b) Thiết kế kết cấu: móng, khung, sàn bê tông cốt thép B20 (M250) toàn khối. Xà gồ mái: sử dụng xà gồ thép.

## c) Thiết kế hoàn thiện:

- Nền: Sàn: lát gạch men kích thước 50x50 cm. Khu vệ sinh: lát gạch ceramic chống trơn kích thước 30x30 cm, tường ốp gạch ceramic kích thước 30x60cm, đóng trần thạch cao chống ẩm xương nổi.

- Tường: xây gạch không nung M50 vữa xi măng mác 50, bả matit lăn sơn 3 nước.

- Mái: lợp ngói.

- Tam cấp: xây gạch không nung, mặt ốp lát đá granite tự nhiên d=20mm.

- Cửa đi, cửa sổ: nhôm hệ kính dán an toàn d=6,38mm. Cửa vệ sinh: nhôm hệ kính mờ an toàn d=6,38mm

- Hệ thống kỹ thuật: điện, điều hòa đi chìm tường, sử dụng đèn led; Hệ thống mạng, điện thoại: đi chìm trong ống gen; Hệ thống cấp thoát nước: chìm tường; Hệ thống camera an ninh.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Hệ thống chỉ dẫn thoát nạn. Trong nhà: sử dụng hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy vách tường tới từng tầng, trang bị bình chữa cháy, tổ hợp báo cháy.

#### 10.4.2. Nhà học lý thuyết + bộ môn tiểu học

- Thiết kế kiến trúc: Thiết kế 3 tầng, tổng chiều cao 13,5m, tầng 1, 2, 3 cao 3,6m, tầng mái cao 1.5m và 2,7m, cốt nền tầng 1 cao hơn cốt sân 0,45m. Giao thông chính: 01 cầu thang bộ kết hợp hành lang cầu sang nhà hiệu bộ.

- Thông số thiết kế Nhà lớp học:

+ Công trình cấp III

+ Diện tích xây dựng: 655m<sup>2</sup>

+ Diện tích sàn: 1.899m<sup>2</sup>; (Tầng 1: 655m<sup>2</sup>; Tầng 2: 643m<sup>2</sup>; Tầng 3: 601m<sup>2</sup>).

- Thông số thiết kế Nhà hành lang sang nhà hành chính - hiệu bộ - thư viện:

+ Công trình cấp III

+ Diện tích xây dựng: 27m<sup>2</sup>

+ Diện tích sàn: 132m<sup>2</sup> (Tầng 1: 44m<sup>2</sup>; Tầng 2: 44m<sup>2</sup>; Tầng 3: 44m<sup>2</sup>)

Cơ cấu công năng: 10 phòng học lý thuyết và 04 phòng học bộ môn (Thiết kế 35 học sinh/ lớp, tổng 350 học sinh tiểu học).

| STT | Tên phòng                     | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-----|-------------------------------|-----------------------------|
|     | Tầng 1                        |                             |
| 1   | Phòng học lý thuyết (5 phòng) | 59                          |
| 2   | Khu vệ sinh chung             | 53                          |

| STT | Tên phòng | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-----|-----------|-----------------------------|
|     | Tầng 2    |                             |

|   |                               |    |
|---|-------------------------------|----|
| 1 | Phòng học lý thuyết (5 phòng) | 59 |
| 2 | Khu vệ sinh chung             | 53 |

| STT | Tên phòng                  | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-----|----------------------------|-----------------------------|
|     | Tầng 3                     |                             |
| 1   | Phòng học bộ môn (4 phòng) | 59                          |
| 2   | Khu vệ sinh chung          | 53                          |

- Thiết kế kết cấu: móng, khung, sàn bê tông cốt thép B20 (M250) toàn khối. Xà gồ mái: sử dụng xà gồ thép.

- Nền: Sàn lát gạch men kích thước 50x50 cm. Khu vệ sinh: lát gạch ceramic chống trơn kích thước 30x30 cm, tường ốp gạch ceramic kích thước 30x60cm, đóng trần thạch cao chống ẩm xương nổi.

- Tường: xây gạch không nung M50 vữa xi măng mác 50, bả matit lăn sơn 3 nước.

- Mái: lợp ngói.

- Tam cấp: xây gạch không nung, mặt ốp lát đá granite tự nhiên d=20mm.

- Cửa: Cửa đi, cửa sổ: nhôm hệ kính dán an toàn d=6,38mm. Cửa vệ sinh: nhôm hệ kính mờ an toàn d=6,38mm.

- Hệ thống kỹ thuật: điện, điều hòa đi chìm tường, sử dụng đèn led; Hệ thống mạng, điện thoại: đi chìm trong ống gen; Hệ thống cấp thoát nước: chìm tường; Hệ thống camera an ninh.

- Hệ thống PCCC: Hệ thống chỉ dẫn thoát nạn. Trong nhà: sử dụng hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy vách tường tới từng tầng, trang bị bình chữa cháy, tổ hợp báo cháy.

#### 10.4.3. Nhà học lý thuyết + bộ môn trung học cơ sở

- Thiết kế kiến trúc: Thiết kế 3 tầng, tổng chiều cao 13,5m, tầng 1, 2, 3 cao 3,6m, tầng mái cao 1,5m và 2,7m, cốt nền tầng 1 cao hơn cốt sân 0,45m. Giao thông chính: 01 cầu thang bộ kết hợp hành lang cầu sang nhà hiệu bộ.

- Thông số thiết kế Nhà lớp học:

+ Công trình cấp III.

+ Diện tích xây dựng: 655m<sup>2</sup>

+ Diện tích sàn: 1899m<sup>2</sup>; (Tầng 1: 655m<sup>2</sup>; Tầng 2: 643m<sup>2</sup>; Tầng 3: 601m<sup>2</sup>)

- Thông số thiết kế Nhà hành lang cầu sang Nhà hành chính - hiệu bộ - thư viện:

+ Công trình cấp III.

+ Diện tích xây dựng: 27m<sup>2</sup>

+ Diện tích sàn: 132m<sup>2</sup> (Tầng 1: 44m<sup>2</sup>; Tầng 2: 44m<sup>2</sup>; Tầng 3: 44m<sup>2</sup>).

Cơ cấu công năng: 16 phòng, gồm 10 phòng học lý thuyết và 04 phòng học bộ môn, 02 phòng chuẩn bị (Thiết kế 30 học sinh/lớp, tổng 350 học sinh trung học cơ sở).

| STT | Tên phòng                     | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-----|-------------------------------|-----------------------------|
|     | Tầng 1                        |                             |
| 1   | Phòng học lý thuyết (5 phòng) | 59                          |
| 2   | Khu vệ sinh chung             | 53                          |

| STT | Tên phòng                                          | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-----|----------------------------------------------------|-----------------------------|
|     | Tầng 2                                             |                             |
| 1   | Phòng học lý thuyết (5 phòng)                      | 59                          |
| 2   | Phòng học bộ môn Mỹ Thuật (trung học cơ sở)        | 59                          |
| 3   | Phòng học bộ môn Khoa học xã hội (trung học cơ sở) | 59                          |
| 4   | Khu vệ sinh chung                                  | 53                          |

| STT | Tên phòng                                            | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-----|------------------------------------------------------|-----------------------------|
|     | Tầng 3                                               |                             |
| 1   | Phòng học bộ môn (4 phòng bộ môn, 02 phòng chuẩn bị) | 59                          |
| 2   | Khu vệ sinh chung                                    | 53                          |

- Thiết kế kết cấu: Kết cấu: móng, khung, sàn bê tông cốt thép B20 (M250) toàn khối. Xà gồ mái: sử dụng xà gồ thép.

- Thiết kế hoàn thiện:

+ Nền: Sàn: lát gạch men kích thước 50x50 cm. Khu vệ sinh: lát gạch ceramic chống trơn kích thước 30x30 cm, tường ốp gạch ceramic kích thước 30x60cm, đóng trần thạch cao chống ẩm xương nổi.

+ Tường: xây gạch không nung M50 vữa xi măng mác 50, bả matit lăn sơn 3 nước

+ Mái: lợp ngói.

+ Tam cấp: xây gạch không nung, mặt ốp lát đá granite tự nhiên d=20mm.

+ Cửa: Cửa đi, cửa sổ: nhôm hệ kính dán an toàn d=6,38mm. Cửa vệ sinh: nhôm hệ kính mờ an toàn d=6,38mm.

- Hệ thống kỹ thuật: điện, điều hòa đi chìm tường, sử dụng đèn led; Hệ thống mạng, điện thoại: đi chìm trong ống gen; Hệ thống cấp thoát nước: chìm tường; Hệ thống camera an ninh.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Hệ thống chỉ dẫn thoát nạn. Trong nhà: sử dụng hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy vách tường tới từng tầng, trang bị bình chữa cháy, tổ hợp báo cháy.

#### 10.4.4. Nhà đa năng

- Thiết kế kiến trúc: Thiết kế 1 tầng, Nhà đa năng trong nhà, tổng chiều cao 12,5m, cao đỉnh tường 9m, đỉnh mái cao 3,5m, cốt nền tầng 1 cao hơn cốt sân 0,75m.

Thông số thiết kế:

+ Công trình cấp III.

+ Diện tích xây dựng: 755m<sup>2</sup>.

Cơ cấu công năng:

Sân khấu di động; sân sơn epoxy, kẻ vạch sân bóng rổ, lắp đặt cột bóng rổ, hàng ghế khán giả: 3 hàng ghế, bố trí ghế thép di động 96 chỗ ngồi.

| STT | Tên phòng           | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-----|---------------------|-----------------------------|
| 1   | Không gian đa năng  | 530                         |
| 2   | Kho (2 kho)         | 12,7                        |
| 3   | Khu vệ sinh (2 khu) | 21,8                        |

- Thiết kế kết cấu: Kết cấu: móng, khung bê tông cốt thép B20 (M250) toàn khối, mái vì kèo thép tổ hợp. Xà gồ mái: sử dụng xà gồ thép.

- Thiết kế hoàn thiện:

+ Sân khấu di động: khung thép, mặt gỗ

+ Nền: Sân: Sơn epoxy. Khu vệ sinh: lát gạch ceramic chống trơn kích thước 30x30 cm, tường ốp gạch ceramic kích thước 30x60cm, đóng trần thạch cao chống ẩm xương nổi.

+ Tường: xây gạch không nung M50 vữa xi măng mác 50, bả matit lăn sơn 3 nước.

+ Mái: lợp tôn d=0,4mm.

+ Tam cấp: xây gạch không nung, mặt ốp lát đá granite tự nhiên d=20mm

+ Cửa: Cửa đi, cửa sổ: nhôm hệ kính dán an toàn d=6,38mm. Cửa vệ sinh: nhôm hệ kính mờ an toàn d=6,38mm.

+ Hệ thống kỹ thuật: điện, điều hòa đi chìm tường, sử dụng đèn led; Hệ thống mạng, điện thoại: đi chìm trong ống gen; Hệ thống cấp thoát nước: chìm tường; Hệ thống camera an ninh.

+ Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Hệ thống chỉ dẫn thoát nạn. Trong nhà: sử dụng hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy vách tường tới từng tầng, trang bị bình chữa cháy, tổ hợp báo cháy.

#### 10.4.5. Nhà nội trú học sinh tiểu học

- Thiết kế kiến trúc: Thiết kế 4 tầng, tổng chiều cao 15,9m, tầng 1, 2, 3, 4 cao 3,6m, tầng mái cao 1,5m, cốt nền tầng 1 cao hơn cốt sân 0,45m. Giao thông chính: 01 cầu thang bộ kết hợp hành lang cầu sang nhà hiệu bộ.

Thông số thiết kế:

+ Công trình cấp III.

+ Diện tích xây dựng: 964 m<sup>2</sup>.

+ Diện tích sàn: 3.691 m<sup>2</sup> (Tầng 1: 964 m<sup>2</sup>; Tầng 2: 909 m<sup>2</sup>; Tầng 3: 909 m<sup>2</sup>; Tầng 4: 909 m<sup>2</sup>).

Cơ cấu công năng: 46 phòng ở 8 học sinh + (01 phòng sinh hoạt chung một tầng), tổng công suất ở 352 học sinh.

| STT | Tên phòng                                                                                             | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
|     | Tầng 1 (Tầng 2; Tầng 3; Tầng 4)                                                                       |                             |
| 1   | Phòng ở nội trú (11 phòng)<br>- 8 học sinh (4 giường 2 tầng),<br>- 02 ô vệ sinh + 02 ô tắm + sân phơi | 31<br>15,8                  |
| 2   | Phòng sinh hoạt chung<br>- Khu vệ sinh, kho                                                           | 31<br>15,8                  |

- Thiết kế kết cấu: Kết cấu: móng, khung, sàn bê tông cốt thép B20 (M250) toàn khối. Xà gồ mái: sử dụng xà gồ thép.

- Thiết kế hoàn thiện:

+ Nền: Sàn: lát gạch men kích thước 50x50 cm. Khu vệ sinh: lát gạch ceramic chống trơn kích thước 30x30 cm, tường ốp gạch ceramic kích thước 30x60cm, đóng trần thạch cao chống ẩm xương nổi.

+ Tường: xây gạch không nung M50 vữa xi măng mác 50, bả matit lăn sơn 3 nước.

+ Mái: lợp ngói.

+ Tam cấp: xây gạch không nung, mặt ốp lát đá granite tự nhiên d=20mm

+ Cửa: Cửa đi, cửa sổ: nhôm hệ kính dán an toàn d=6,38mm. Cửa vệ sinh: nhôm hệ kính mờ an toàn d=6,38mm.

+ Hệ thống kỹ thuật: điện, điều hòa đi chìm tường, sử dụng đèn led; Hệ thống mạng, điện thoại: đi chìm trong ống gen; Hệ thống cấp thoát nước: chìm tường; Hệ thống camera an ninh.

+ Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Hệ thống chỉ dẫn thoát nạn. Trong nhà: sử dụng hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy vách tường tới từng tầng, trang bị bình chữa cháy, tổ hợp báo cháy.

#### 10.4.6. Nhà nội trú trung học cơ sở

- Thiết kế kiến trúc: Thiết kế 4 tầng, tổng chiều cao 15.9m, tầng 1, 2, 3, 4 cao 3,6m, tầng mái cao 1,5m, cốt nền tầng 1 cao hơn cốt sân 0,45m. Giao thông chính: 01 cầu thang bộ kết hợp hành lang cầu sang nhà hiệu bộ.

Thông số thiết kế:

- + Công trình cấp III.
- + Diện tích xây dựng: 964 m<sup>2</sup>.
- + Diện tích sàn: 3.691 m<sup>2</sup> (Tầng 1: 964 m<sup>2</sup>; Tầng 2: 909 m<sup>2</sup>; Tầng 3: 909 m<sup>2</sup>; Tầng 4: 909 m<sup>2</sup>).

Cơ cấu công năng: 44 phòng ở cho 8 học sinh/phòng + 04 phòng sinh hoạt chung (01 phòng sinh hoạt chung một tầng), tổng công suất ở 352 học sinh.

| STT | Tên phòng                                                                                             | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
|     | Tầng 1 (Tầng 2; Tầng 3; Tầng 4)                                                                       |                             |
| 1   | Phòng ở nội trú (11 phòng)<br>- 8 học sinh (4 giường 2 tầng),<br>- 02 ô vệ sinh + 02 ô tắm + sân phơi | 31<br>15.8                  |
| 2   | Phòng sinh hoạt chung<br>- Khu vệ sinh, kho                                                           | 31<br>15.8                  |

- Thiết kế kết cấu: Kết cấu: móng, khung, sàn bê tông cốt thép B20 (M250) toàn khối. Xà gồ mái: sử dụng xà gồ thép.

- Thiết kế hoàn thiện:

+ Nền: Sàn: lát gạch men kích thước 50x50 cm. Khu vệ sinh: lát gạch ceramic chống trơn kích thước 30x30 cm, tường ốp gạch ceramic kích thước 30x60cm, đóng trần thạch cao chống ẩm xương nổi.

+ Tường: xây gạch không nung M50 vữa xi măng mác 50, bả matit lăn sơn 3 nước.

+ Mái: lợp ngói.

+ Tam cấp: xây gạch không nung, mặt ốp lát đá granite tự nhiên d=20mm.

+ Cửa: Cửa đi, cửa sổ: nhôm hệ kính dán an toàn d=6,38mm. Cửa vệ sinh: nhôm hệ kính mờ an toàn d=6,38mm.

+ Hệ thống kỹ thuật: điện, điều hòa đi chìm tường, sử dụng đèn led; Hệ thống mạng, điện thoại: đi chìm trong ống gen; Hệ thống cấp thoát nước: chìm tường; Hệ thống camera an ninh.

+ Hệ thống PCCC: Hệ thống chỉ dẫn thoát nạn. Trong nhà: sử dụng hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy vách tường tới từng tầng, trang bị bình chữa cháy, tổ hợp báo cháy.

#### 10.4.7. Nhà bếp + ăn

- Thiết kế kiến trúc: Thiết kế 1 tầng, tổng chiều cao 7,5m, cao đỉnh tường 4,5m, đỉnh mái cao 3m, cốt nền tầng 1 cao hơn cốt sân 0,45m.

Thông số thiết kế:

+ Công trình cấp III.

+ Diện tích xây dựng: 966 m<sup>2</sup>.

+ Diện tích sàn: 966 m<sup>2</sup>.

Cơ cấu công năng:

| STT | Tên phòng                  | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-----|----------------------------|-----------------------------|
| 1   | Phòng ăn 750 chỗ           | 490                         |
| 2   | Khu vệ sinh chung (2 khu)  | 27                          |
| 3   | Khu Bếp nấu + khu gia công | 174                         |
| 4   | Khu vệ sinh bếp            | 4.3                         |
| 5   | Kho dụng cụ                | 10                          |
| 6   | Kho thực phẩm              | 15                          |
| 7   | Kho lương thực             | 26                          |

- Thiết kế kết cấu: Kết cấu: móng, khung bê tông cốt thép B20 (M250) toàn khối, mái vì kèo thép tổ hợp. Xà gồ mái: sử dụng xà gồ thép.

- Thiết kế hoàn thiện:

- Nền: Sàn: lát gạch men khô kích thước 60x60 cm, tường ốp gạch ceramic kích thước 30x60cm. Khu vệ sinh: lát gạch ceramic chống trơn kích thước 30x30 cm, tường ốp gạch ceramic kích thước 30x60cm, đóng trần thạch cao chống ẩm xương nổi.

+ Tường: xây gạch không nung M50 vữa xi măng mác 50, bả matit lăn sơn 3 nước.

+ Mái: lợp tôn d=0,4mm.

+ Tam cấp: xây gạch không nung, mặt ốp lát đá granite tự nhiên d=20mm.

+ Cửa: Cửa đi, cửa sổ: nhôm hệ kính dán an toàn d=6,38mm. Cửa vệ sinh: nhôm hệ kính mờ an toàn d=6,38mm.

+ Hệ thống kỹ thuật: điện, điều hòa đi chìm tường, sử dụng đèn led; Hệ thống mạng, điện thoại: đi chìm trong ống gen; Hệ thống cấp thoát nước: chìm tường; Hệ thống camera an ninh.

+ Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Hệ thống chỉ dẫn thoát nạn. Trong nhà: sử dụng hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy vách tường tới từng tầng, trang bị bình chữa cháy, tổ hợp báo cháy.

#### 10.4.8. Nhà nội trú giáo viên

- Thiết kế kiến trúc: Thiết kế 02 tầng, tổng chiều cao 7,2m, cao đỉnh tường 3,6m, đỉnh mái cao 7,2m, cốt nền tầng 1 cao hơn cốt sân 0,45m.

Thông số thiết kế:

+ Công trình cấp III.

+ Diện tích xây dựng: 637,44 m<sup>2</sup>.

+ Diện tích sàn: 318,72 m<sup>2</sup>.

Cơ cấu công năng:

| STT | Tên phòng | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |
|-----|-----------|-----------------------------|
|-----|-----------|-----------------------------|

|   |                       |     |
|---|-----------------------|-----|
| 1 | Phòng ngủ 10 chỗ      | 40  |
| 2 | Bếp + phòng ăn 10 chỗ | 13  |
| 3 | Phòng vệ sinh 10 chỗ  | 4,5 |

- Thiết kế kết cấu: Kết cấu: móng, khung bê tông cốt thép B20 (M250) toàn khối, mái vì kèo thép tổ hợp. Xà gồ mái: sử dụng xà gồ thép.

- Thiết kế hoàn thiện:

- Nền: Sàn: lát gạch men khô kích thước 60x60 cm, tường ốp gạch ceramic kích thước 30x60cm. Khu vệ sinh: lát gạch ceramic chống trơn kích thước 30x30 cm, tường ốp gạch ceramic kích thước 30x60cm, đóng trần thạch cao chống ẩm xương nổi.

+ Tường: xây gạch không nung M50 vữa xi măng mác 50, bả matit lăn sơn 3 nước.

+ Mái: lợp tôn d=0,4mm.

+ Tam cấp: xây gạch không nung, mặt ốp lát đá granite tự nhiên d=20mm.

+ Cửa: Cửa đi, cửa sổ: nhôm hệ kính dán an toàn d=6,38mm. Cửa vệ sinh: nhôm hệ kính mờ an toàn d=6,38mm

+ Hệ thống kỹ thuật: điện, điều hòa đi chìm tường, sử dụng đèn led; Hệ thống mạng, điện thoại: đi chìm trong ống gen; Hệ thống cấp thoát nước: chìm tường; Hệ thống camera an ninh

+ Hệ thống PCCC: Hệ thống chỉ dẫn thoát nạn. Trong nhà: sử dụng hệ thống báo cháy tự động, cấp nước chữa cháy vách tường tới từng tầng, trang bị bình chữa cháy, tổ hợp báo cháy.

#### 10.4.9. Thiết bị

- Thiết bị công trình (trạm biến áp, thiết bị đường dây trung thế, trạm cấp nước sạch, nhà hóa chất, trạm xử lý nước thải, trạm bơm cấp nước, trạm bơm chữa cháy gồm bơm điện, bơm diesel và bơm bù áp, bơm tăng áp, thiết bị lọc nước bề bơi, phòng cháy chữa cháy, điều hòa không khí nhà hiệu bộ + thư viện, thông tin liên lạc, âm thanh công cộng, camera giám sát) đồng bộ.

- Thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, sinh hoạt nội trú và bếp ăn.

#### 10.5. Hạng mục cải tạo đường ĐT.229:

Nắn chỉnh và nâng cao cốt mặt đường cao hơn cốt ngấp Thủy điện Trảng Định 2 và cốt ngấp lịch sử: Cốt đường từ cao độ 149,16 (đầu tuyến) - 150,56 (cuối tuyến).

- Cấp đường: đường giao thông cấp IV.

- Tổng chiều dài tuyến: L = 180m.

- Tổng diện tích đất xây dựng Đường kết nối vào dự án là: Khoảng 2.600m<sup>2</sup>, trong đó:

+ Diện tích mặt đường + lề đường: 1.350 m<sup>2</sup>.

- + Diện tích mái taluy, cống đường: 1.250 m.
- Thông số kỹ thuật: Chiều rộng đường 7,5m (Bmặt =5,5m; Lề gia cố 2 bên: 2x1,0m).
- + Phía đường bên trường Quốc Việt (taluy dương): cống dọc bê tông cốt thép 60x80 có nắp, mái taluy dương vuốt êm thuận từ mép đường tới mép cốt san nền của trường.
- + Phía đường bên mái taluy âm: đắp đất cấp 3 dốc mái  $i=1:1,5$ , bố trí hệ lan mềm.
- + Thoát nước ngang đường: 01 vị trí,  $L=25m$ , tải trọng H30-XB80, cống tròn  $d=1,5m$ .

- Kết cấu đường:

- + Lót mặt: Bê tông nhựa C12.5 dày 7cm.
- + Tưới nhựa bám dính TCN 0,5kg/m<sup>2</sup>
- + Lót cấp phối đá dăm loại I dày 15cm.
- + Lót cấp phối đá dăm loại II dày 15cm.
- + Cày xới lu lèn nền đường  $k \geq 95$  dày trung bình 30cm.

11. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

11.1 Số bước thiết kế: 02 bước

11.2 Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng

*a) Khảo sát xây dựng:*

- TCVN 4419:1987 - Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản.
- TCVN 9363:2012 - Khảo sát cho xây dựng - Khảo sát địa kỹ thuật cho nhà cao tầng, áp dụng đối với các hạng mục có yêu cầu khảo sát địa kỹ thuật tương ứng.
- Các tiêu chuẩn hiện hành về khảo sát địa hình, địa chất công trình và địa chất thủy văn phù hợp với nhiệm vụ khảo sát của dự án.

*b) Quy hoạch, kiến trúc và công trình giáo dục:*

- QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.
- QCVN 03:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng.
- QCVN 05:2008/BXD - Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe.
- QCVN 09:2017/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả, trong phạm vi áp dụng.
- QCVN 10:2024/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công

trình đảm bảo tiếp cận sử dụng.

- TCVN 8793:2011 - Trường tiểu học - Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 8794:2011 - Trường trung học - Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 7490:2005 - Ergonomi - Bàn ghế học sinh tiểu học và trung học cơ sở - Yêu cầu về kích thước cơ bản theo chỉ số nhân trắc học của học sinh.
- TCVN 7491:2005 - Ergonomi - Bố trí bàn ghế học sinh trong phòng học.

*c) Kết cấu và nền móng:*

- TCVN 2737:2023 - Tải trọng và tác động.
- TCVN 9379:2012 - Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán.
- TCVN 5574:2018 - Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép.
- TCVN 5575:2024 - Thiết kế kết cấu thép.
- TCVN 9362:2012 - Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.
- TCVN 10304:2014 - Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế, áp dụng khi sử dụng giải pháp móng cọc.
- TCVN 9394:2012 - Đóng và ép cọc - Thi công và nghiệm thu, áp dụng khi sử dụng cọc đóng hoặc cọc ép.
- TCVN 9386-1:2025 - Thiết kế kết cấu chịu động đất - Phần 1: Quy định chung, tác động động đất và quy định cho nhà.

- TCVN 9386-2:2012 - Thiết kế kết cấu chịu động đất - Phần 2: Nền móng, tường chắn và các vấn đề địa kỹ thuật, khi có yêu cầu tính toán động đất.

*d) Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải:*

- QCVN 07:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.
- TCVN 13606:2023 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 4513:1988 - Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 7957:2023 - Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 4474:1987 - Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 7222:2022 - Yêu cầu chung về môi trường đối với các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.
- Các tiêu chuẩn hiện hành liên quan đến thiết kế bể chứa nước, trạm bơm, trạm xử lý nước cấp, trạm xử lý nước thải và công trình phụ trợ.

*e) Cấp điện, chiếu sáng và chống sét:*

- QCVN 12:2014/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống điện

của nhà ở và nhà công cộng.

- QCVN 09:2017/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả, trong phạm vi áp dụng.

- TCVN 7447 - Hệ thống lắp đặt điện hạ áp.

- TCVN 9206:2012 - Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9207:2012 - Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 333:2005 - Chiều sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9888 - Bảo vệ chống sét.

- Các tiêu chuẩn hiện hành về trạm biến áp, máy phát điện, hệ thống điện dự phòng, cáp điện và hệ thống điện mặt trời, nếu có.

*f) Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:*

- QCVN 06:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình.

- Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD.

- QCVN 10:2025/BCA - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà và công trình, ban hành kèm theo Thông tư số 103/2025/TT-BCA ngày 04/11/2025 của Bộ Công an.

- TCVN 3890:2023 - Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí.

- TCVN 7568-14:2025 - Hệ thống báo cháy - Phần 14: Thiết kế, lắp đặt các hệ thống báo cháy cho nhà và công trình.

- TCVN 7336:2021 - Phòng cháy và chữa cháy - Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bọt - Yêu cầu thiết kế và lắp đặt, khi công trình có hệ thống chữa cháy tự động.

- TCVN 2622:1995 - Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế, trong phạm vi phù hợp với các quy chuẩn hiện hành.

- TCVN 5760:1993 - Hệ thống chữa cháy - Yêu cầu chung về thiết kế, lắp đặt và sử dụng.

- TCVN 7026:2013 - Chữa cháy - Bình chữa cháy xách tay - Tính năng và cấu tạo.

*g) Giao thông, sân bãi và hạ tầng ngoài nhà:*

- TCVN 4054:2005 - Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế, áp dụng đối với các tuyến đường có phạm vi và cấp đường tương ứng.

- TCVN 10380:2014 - Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế, chỉ áp dụng khi tuyến đường thuộc phạm vi điều chỉnh của tiêu chuẩn.

- QCVN 07:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.

- TCVN 4205:2012 - Công trình thể thao - Sân thể thao - Tiêu chuẩn thiết kế.

*h) Bể bơi và công trình thể dục thể thao:*

- TCVN 4260:2012 - Công trình thể thao - Bể bơi - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 4205:2012 - Công trình thể thao - Sân thể thao - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 4603:2012 - Công trình thể thao - Yêu cầu sử dụng và bảo quản.

- TCVN 13515:2022 - Mặt sân thể thao - Bề mặt sân bằng vật liệu tổng hợp dành cho khu thể thao ngoài trời - Các yêu cầu, khi sử dụng mặt sân vật liệu tổng hợp.

- TCVN 13513:2022 - Mặt sân thể thao - Mặt sân thể thao đa năng trong nhà - Các yêu cầu, khi có nhà thể thao/sân thể thao trong nhà.

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn khác có liên quan.

12. Tổng mức đầu tư xây dựng: **261.738.000.000 đồng**, trong đó:

|                                   |                       |
|-----------------------------------|-----------------------|
| - Chi phí bồi thường GPMB:        | 6.477.352.000 đồng;   |
| - Chi phí xây dựng:               | 203.543.179.921 đồng; |
| - Chi phí thiết bị:               | 27.392.227.630 đồng;  |
| - Chi phí quản lý dự án:          | 5.382.404.065 đồng;   |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 9.601.252.483 đồng;   |
| - Chi phí khác:                   | 5.218.989.619 đồng;   |
| - Chi phí dự phòng:               | 4.122.596.179 đồng.   |

13. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026-2027.

14. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương, địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.

16. Trách nhiệm của chủ đầu tư thực hiện thẩm định đối với bước thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt, gồm các nội dung như sau:

a) Thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt phải đảm bảo phù hợp về kiến trúc, kết cấu công trình và công năng sử dụng của các công trình xây dựng thuộc dự án.

b) Kiểm tra, rà soát về giá, loại vật liệu xây dựng đưa vào sử dụng tại các công trình xây dựng thuộc dự án phải đảm bảo hiệu quả về chất lượng, tiết kiệm.

c) Trong quá trình triển khai, phải thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ ngay trước, trong và sau xây dựng, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực; chỉ đạo các nhà thầu tư vấn, nhà thầu thi công và các đơn vị liên quan rà soát hồ sơ khảo sát, thiết kế, dự toán bảo đảm tính đúng, tính đủ, tiết kiệm, tránh lãng phí.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Xây dựng, Công an tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính hợp pháp, sự đầy đủ và chính xác của nội dung, hồ sơ trình phê duyệt.

2. Công an tỉnh (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo quy định hiện hành. Trong quá trình tổ chức triển khai các bước tiếp theo, chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục rà soát giải pháp thiết kế toàn bộ công trình; dự toán xây dựng công trình; chất lượng, chủng loại vật liệu đưa vào công trình sử dụng đúng mục đích và phù hợp với thiết kế thi công theo tình hình thực tế, tính đúng, tính đủ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực VI, Chủ tịch UBND xã Quốc Việt và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN<sub>(CVD)</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Thanh Nhân**